Quy trình báo cáo – Tour

4.1 Use case nhóm

Business Use case

4.2.4 Mô tả hoạt động Nghiệp vụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use Case | Báo cáo hoạt động | Mã số: UCT-4 |
| Tham chiếu: [1] Quy trình báo cáo |
| Mô tả | Xảy ra khi có yêu cầu báo cáo từ giám đốc | |
| Dòng cơ bản | 1. Tiếp nhận yêu cầu báo cáo của giám đốc 2. Thu thập dữ liệu thông qua Excel 3. Nhập đầy đủ các thông tin cần thiết 4. In và gửi báo cáo cho giám đốc | |
| Dòng thay thế | Trong trường hợp 3:   1. Nếu dữ liệu execl không hợp lệ thì sẽ không xuất báo cáo mà phải thông báo cho họ để họ kiểm tra lại 2. Nhân viên chọn thể loại xuất báo cáo nếu chưa chọn thì thông báo cho nhân viên biết | |

* 1. Quản lý quá trình báo cáo

|  |  |
| --- | --- |
| Use case | Báo cáo |
| Mã số | [HTHUC-4] |
| Tham chiếu | [UCT-4] |
| Mô tả |  |

6.4 Quản lý quy trình báo cáo

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số: R4 | |
| Tham chiếu | [UCT-4], [HTHUC-4] |
| Mô tả | Quản lý quá trình báo cáo giúp cho những nhân viên trong công ty không phải mất thời gian mò tìm cách mỗi khi đến dịp báo cáo và mang lại tính chính xác cao trong công việc  ϖ \Báo cáo hoạt động kinh doanh của công ty tháng/quý/năm.  o Số lượng chuyến được mở/đóng?  o Doanh thu của mỗi chuyến?  o Số lượng chuyến được mở/đóng dựa vào địa điểm?  Báo cáo hoạt động đăng ký tour khách hàng theo tháng/quý/tháng/năm. o Số lượng đăng ký khách hàng mỗi chuyến?  o Tổng tiền mỗi lần phân bổ hàng hóa?  o Phân nhóm khách hàng mỗi chuyến theo độ tuổi, vùng miền, cá nhân hay tổ chức? |